

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 73

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKH&ĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006 và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 32 cấp ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch,	
	Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Nhóm Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12925844/67736242/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 73, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Quốc Hoàng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2787-2022-004-1

Lý Hồng Mỹ
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4175-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.305.306.889.451	947.639.699.363
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	136.236.074.178	8.461.339.357
111	1. Tiền		125.344.482.100	4.261.339.357
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.891.592.078	4.200.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.230.000.000	230.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	1.230.000.000	230.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.101.930.451.740	845.395.421.575
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	351.157.857.253	239.558.303.914
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	353.377.447.486	80.957.663.203
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	355.269.960.018	266.334.265.625
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	113.140.517.320	340.356.202.385
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(71.015.330.337)	(81.811.013.552)
140	IV. Hàng tồn kho	12	40.804.852.414	29.168.608.393
141	1. Hàng tồn kho		40.804.852.414	63.724.327.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(34.555.718.986)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.105.511.119	64.384.330.038
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	15.054.268.237	50.416.954.766
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	10.019.963.592	13.954.750.488
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	31.279.290	12.624.784

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.207.562.711.144	912.758.343.006
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		477.290.973.579	389.469.485.495
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	14	24.000.000.000	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	10.990.000.000	44.329.575.396
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	442.300.973.579	345.139.910.099
220	II. Tài sản cố định		208.544.841.945	86.305.316.088
221	1. Tài sản cố định hữu hình	15	10.300.656.939	1.324.037.529
222	Nguyên giá		16.097.844.675	14.438.805.810
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.797.187.736)	(13.114.768.281)
227	2. Tài sản cố định vô hình	16	198.244.185.006	84.981.278.559
228	Nguyên giá		243.416.211.684	102.179.503.617
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(45.172.026.678)	(17.198.225.058)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		63.162.748.821	13.367.018.518
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18	63.162.748.821	13.367.018.518
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	19	111.178.423.767	383.408.540.098
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	19.1	103.807.419.542	348.572.994.312
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.2	19.715.625.000	46.002.910.277
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	19.2	(12.344.620.775)	(11.167.364.491)
260	V. Tài sản dài hạn khác		347.385.723.032	40.207.982.807
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	42.009.118.834	1.484.504.008
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	34.3	3.513.354.336	7.895.844.762
269	3. Lợi thế thương mại	17	301.863.249.862	30.827.634.037
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.512.869.600.595	1.860.398.042.369

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.012.991.101.726	477.098.903.310
310	I. Nợ ngắn hạn		962.985.040.933	408.623.646.511
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20.1	137.590.758.890	98.153.102.705
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20.2	13.959.803.176	29.155.365.881
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	40.757.934.104	32.330.181.730
314	4. Phải trả người lao động		14.383.857.602	5.107.804.827
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	78.176.209.568	27.448.675.197
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	23	147.901.263.340	45.075.825.259
320	7. Vay ngắn hạn	24	527.364.096.445	171.352.690.912
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.851.117.808	-
330	II. Nợ dài hạn		50.006.060.793	68.475.256.799
338	1. Vay dài hạn	24	50.006.060.793	39.014.432.856
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	-	29.460.823.943
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.499.878.498.869	1.383.299.139.059
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.499.878.498.869	1.383.299.139.059
411	1. Vốn cổ phần	25.1	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	140.518.254	140.518.254
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	72.654.634.776	57.414.341.843
421a	- (Lỗ) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(53.053.428.791)	30.555.633.680
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		125.708.063.567	26.858.708.163
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	27	57.068.805.839	12.211.638.962
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.512.869.600.595	1.860.398.042.369

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lưu Anh Khoa
Người lập

Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng

Ngô Thị Văn Hạnh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	1.026.485.549.969	414.366.625.633
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(390.681.797)	(2.699.840.733)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	1.026.094.868.172	411.666.784.900
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(855.243.703.997)	(296.480.952.992)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		170.851.164.175	115.185.831.908
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	191.906.506.913	43.586.401.680
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	30	(51.108.323.960) (28.208.427.529)	(23.482.415.579) (21.505.000.199)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	19.1	(15.223.546.244)	(4.853.955.053)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(26.239.808.550)	(14.260.496.293)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(151.633.232.794)	(66.900.478.155)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		118.552.759.540	49.274.888.508
31	12. Thu nhập khác		1.073.324.563	1.799.158.515
32	13. Chi phí khác	32	(9.003.540.240)	(22.149.929.089)
40	14. Lỗ khác		(7.930.215.677)	(20.350.770.574)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		110.622.543.863	28.924.117.934
51	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hiện hành	34.1	(12.081.916.503)	1.545.560.455
52	17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	34.3	24.033.663.235	(3.950.719.062)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		122.574.290.595	26.518.959.327

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		125.708.063.567	26.858.708.163
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	27	(3.133.772.972)	(339.748.836)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	918	505
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	26	918	505

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		110.622.543.863	28.924.117.934
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	15, 16, 17	54.824.557.578	12.939.753.078
03	Các khoản dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		16.612.904.416	(18.008.135.174)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(155.697.273.093)	(27.299.492.204)
06	Chi phí lãi vay	30	28.208.427.529	21.505.000.199
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		54.571.160.293	18.061.243.833
09	Tăng các khoản phải thu		(84.686.670.798)	(228.497.578.408)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(57.188.071.887)	11.742.694.895
11	Tăng các khoản phải trả		419.591.062.933	59.812.819.534
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		43.291.436.246	(20.742.237.026)
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.714.808.252)	(21.496.776.942)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(1.436.256.929)	(11.349.753.635)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		357.427.851.606	(192.469.587.749)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(552.939.817.718)	(85.145.283.539)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	1.818.413.608
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(235.919.838.301)	(146.568.497.700)
24	Tiền thu hồi cho vay		164.175.766.640	119.157.887.885
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(205.721.247.708)	(343.361.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		204.627.695.591	37.231.370.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay và cổ tức		12.149.330.368	19.722.595.407
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(613.628.111.128)	(397.144.764.339)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận góp vốn của cổ đông không kiểm soát		1.767.608.500	450.000.000.000
33	Tiền vay nhận được	24	634.594.718.729	564.918.510.949
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	24	(252.387.332.886)	(443.315.833.368)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		383.974.994.343	571.602.677.581
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		127.774.734.821	(18.011.674.507)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.461.339.357	26.473.013.864
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	136.236.074.178	8.461.339.357

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNDKDN số 0304592171 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006 và điều chỉnh gần nhất lần thứ 32 cấp ngày 21 tháng 3 năm 2025.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Tầng 7, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 316 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 193).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 11 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
1	Công ty TNHH 1 Production ("1Pro")	GCNĐKDN số 0317690271 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%		-	-	
2	Công ty TNHH 1Talents ("1Talents")	GCNĐKDN số 0318105371 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023	Số 140, Đường Nguyễn Văn Thù, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%		-	-	
3	Công ty TNHH 1Brandlink ("1Brandlink") (Trước đây là Công ty TNHH Adlink Network)	GCNĐKDN số 0318106103 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%		-	-	
4	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam ("Y1N")	GCNĐKDN số 0314526114 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00%	100,00%		100,00%	100,00%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)
Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
5	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1")	GCNĐKDN số 0102349978 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
6	Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")	GCNĐKDN số 0317420589 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	99,99%	100,00%	99,99%	100,00%
7	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0311465311 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55%	69,55%	-	-
8	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink") (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKDN số 0109406470 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Việt Nam.	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00%	69,00%	35,00%	35,00%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)
Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
9	Công ty Cổ phần 1Label ("1Label")	GCNĐKDN số 0318347998 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024 GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	51,00%	51,00%	-	-	-	-
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số ("CDS") (*)	GCNĐKDN số 1301092937 do SKH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 48 Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
11	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 ("YSS") (*)	GCNĐKDN số 0316198596 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 258 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
12	Công ty Cổ phần Giải trí Ana ("Ana") (Trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Yeah1) (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0310275558 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 8 năm 2010, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 70 Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	99,00%	99,00%	99,00%
13	Công ty Cổ phần Tập đoàn Care ("Care") (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0311776620 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 5 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 36 Đường Nguyễn Văn Mai, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	-	99,98%	99,98%	99,98%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)
Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ ("YES") (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0313491606 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2015, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim, viễn thông và quảng cáo	-	-		67,00%	67,00%	
15	Công ty Cổ phần YAG Entertainment ("YAG") (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0315171182 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 2018, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-		95,00%	95,00%	
16	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam ("Appnews") (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0315852128 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 8 năm 2019, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	-	-		70,00%	70,00%	
17	Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0102768915 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh	Tầng 14, Tòa nhà Ngọc Khánh Plaza, Số 1 Đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-		51,00%	51,00%	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
18	Công ty TNHH STV Production (Thuyết minh số 4.3)	GCNĐKDN số 0317800358 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 4 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 11, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-		100,00%	100,00%	
19	Công ty TNHH MTV Style TV ("StyleTV")	GCNĐKDN số 0311730425 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 4 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 58, Đường Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 19, Quận Bình Thành, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-		51,00%	100,00%	
20	Công ty Cổ phần Gigagoods ("Gigagoods") (*)	GCNĐKDN số 0316763583 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Bán lẻ	50,99%	51,00%		50,99%	51,00%	
21	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin ("Gigawin") (*)	GCNĐKDN số 0316703552 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quảng cáo	58,99%	59,00%		58,99%	59,00%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)
Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
22	Công ty TNHH Yeah1 Publishing ("Y1P") (Thuyết minh số 4.1)	GCNĐKDN số 0314688330 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	64,86%	94,00%		-	-	-
23	Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI") (Thuyết minh số 4.1)	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quận đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	British Virgin Islands	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	35,18%	51,00%		-	-	-
24	Netlink Online Pte Ltd ("Netlink Online")	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quận đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	470 North Bridge Road #05-12 Bugis Cube, Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18%	100,00%		-	-	-
25	Công ty TNHH Tìng Tìng Network ("Tìngtìng") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0317396978 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 7 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 70, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	69,55%	100,00%		-	-	-
26	Công ty TNHH Giải trí và Truyền Thông Mango+ ("Mango+") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 1301125947 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 7 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	69,55%	100,00%		-	-	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty con	Pháp lý	Địa điểm	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
					Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
27	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ("DCC") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 1301046426 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ tạo lập nội dung số, quảng cáo điện tử và cho thuê văn phòng	69,55%	100,00%	-	-
28	Công ty TNHH Big Cat ("BigCat") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 131706995 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 6 tháng 12 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	55,64%	80,00%	-	-
29	Công ty Cổ phần Tstudio ("Tstudio") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0316490939 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	170N Nơ Trang Long, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động nhiếp ảnh	41,69%	59,95%	-	-
30	Công ty TNHH Việt Nam Music Award ("VMA") (Thuyết minh số 4.2)	GCNĐKDN số 0317626318 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, quảng cáo	35,47%	51,00%	-	-
31	Web Publishing Corp. (*)	Mã số doanh nghiệp số 2165257 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024	OMC Chambers, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Quảng cáo	17,63%	51,00%	-	-

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này
(Thuyết minh số 36.2)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- ▶ Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua và sản xuất theo phương pháp thực tế đích danh; và
- ▶ Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 – 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 – 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm cho thuê và cung cấp các tiện ích khu công nghiệp, bán hàng hóa và thành phẩm, cung cấp dịch vụ tư vấn và xây dựng, đầu tư tài chính vào các lĩnh vực khác.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Netlink

Theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 188/2404/NQ/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 4 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 40.320 cổ phần tương ứng với 16% tỷ lệ sở hữu trong Netlink với giá trị chuyển nhượng là 47.088.000.000 VND vào ngày 19 tháng 4 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Netlink tăng từ 35% lên 51% và Netlink và hai công ty con của Netlink là Netlink BVI và Y1P trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	VND
	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	3.805.267.631
Các khoản phải thu	72.685.201.088
Tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.895.072.042
Tài sản khác	1.061.263.212
	86.446.803.973
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	61.832.235.579
Vay	16.952.315.859
	78.784.551.438
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	7.662.252.535
Cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh số 27)	(4.398.959.444)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 17)	147.081.706.909
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	150.345.000.000
<i>Trong đó:</i>	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 19.1)	101.856.443.352
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 28.2)	1.400.556.648
Giá phí mua thêm 16% tỷ lệ sở hữu	47.088.000.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền chi để mua công ty con	47.088.000.000
Tiền thu về từ công ty con	3.805.267.631
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	43.282.732.369

Ngoài ra, theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 45.360 cổ phần tương ứng với 18% tỷ lệ sở hữu trong Netlink vào ngày 6 tháng 8 năm 2024 với giá chuyển nhượng là 52.974.000.000 VND. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Netlink tăng từ 51% lên 69%.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Nhóm Công ty trong Netlink vào ngày giao dịch là 51.399.884.915 VND được ghi nhận giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh số 25.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.2 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của Edigital

Theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 875/2408/NQ/HĐQT/YEG ngày 6 tháng 8 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 3.886.500 cổ phần tương ứng với 34,55% tỷ lệ sở hữu trong Edigital từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 110.333.080.000 VND vào ngày 6 tháng 8 năm 2024. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Edigital tăng từ 35% lên 69,55% và Edigital và các công ty con của Edigital là VMA, DCC, BigCat, Tstudio, Tingting, Mango+ trở thành công ty con của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Edigital tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	VND
	<i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	3.430.554.662
Các khoản phải thu	116.929.323.363
Tài sản cố định	52.489.457.176
Đầu tư vào công ty liên kết	1.756.407.580
Tài sản khác	90.178.542.188
	264.784.284.969
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả	55.106.561.088
Vay	79.348.096.403
	134.454.657.491
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	130.329.627.478
Cổ đông không kiểm soát (<i>Thuyết minh số 27</i>)	(47.506.745.014)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 17</i>)	173.021.917.536
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	255.844.800.000
<i>Trong đó:</i>	
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	130.303.094.091
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 28.2</i>)	15.208.625.909
Giá phí mua thêm 34,55% tỷ lệ sở hữu	110.333.080.000
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền chi để mua công ty con	110.333.080.000
Tiền thu về từ công ty con	3.430.554.662
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	106.902.525.338

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu

STVPro và STV

Vào ngày 15 tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 100% vốn góp của STVPro cho STV, công ty con của Công ty, với giá chuyển nhượng là 10.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 94/2403/NQ/HĐQT/YEG ngày 15 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong STVPro giảm từ 100% xuống 51% kể từ ngày này.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.295.000 cổ phần, tương ứng với 51% tỷ lệ sở hữu trong STV cho đối tác với giá chuyển nhượng là 40.000.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 97/2403/NQ/HĐQT/YEG cùng ngày. Theo đó, STV không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này và STVPro cũng không còn là công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 7.027.936.744 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

YES

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 730.000 cổ phần, tương ứng với 67% cổ phần của YES cho đối tác với giá chuyển nhượng là 10.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong YES giảm từ 67% xuống 0% và YES không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 5.109.803.220 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

YAG

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty và công ty con đã chuyển nhượng 1.748.000 cổ phần, tương ứng với 95% cổ phần của YAG cho các đối tác với giá chuyển nhượng là 95.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong YAG giảm từ 95% xuống 0% và YAG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 29.180.597.526 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

Appnews

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 1.330.000 cổ phần, tương ứng với 70% cổ phần của AppNews cho đối tác với giá chuyển nhượng là 3.050.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 18 tháng 6 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong AppNews giảm từ 70% xuống 0% và AppNews không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 930.581.987 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Chuyển nhượng cổ phần trong các công ty con hiện hữu (tiếp theo)

Ana

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 2.970.000 cổ phần, tương ứng với 99% cổ phần của Ana cho đối tác với giá chuyển nhượng là 99.000.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Ana giảm từ 99% xuống 0% và Ana không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 100.594.052.213 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

Care

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã chuyển nhượng 39.990.000 cổ phần, tương ứng với 99,975% cổ phần của Care cho đối tác với giá chuyển nhượng là 99.980.000 VND theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 746/2406/NQ/HĐQT/YEG ngày 31 tháng 12 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Care giảm từ 99,975% xuống 0% và Care không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lỗ với số tiền 15.895.306.269 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 28.2).

4.4 Góp vốn thành lập các công ty con và công ty liên kết

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập 1Label theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 81/2403/NQHĐQT/YEG ngày 14 tháng 3 năm 2024 và đã nhận được GCNĐKDN số 0318347998 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label là 51%.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2024, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH Meta Blossom Việt Nam ("Meta Blossom") theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 776/2406/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 26 tháng 6 năm 2024 và đã nhận được GCNĐKDN Số 0318547718 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 7 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Meta Blossom là 40%.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	31.413.103	-
Tiền gửi ngân hàng	125.313.068.997	4.261.339.357
Các khoản tương đương tiền (*)	10.891.592.078	4.200.000.000
TỔNG CỘNG	136.236.074.178	8.461.339.357

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,2% đến 1,6%/năm.

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,85%/năm đến 9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	350.514.160.122	121.340.076.164
Google Asia Pacific Pte. Ltd	76.692.907.716	-
Yeah1 Network Pte Ltd	29.908.674.402	-
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	27.942.944.000	95.712.000
Công ty Cổ phần King Production	15.876.544.444	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Canada Ginseng	13.939.220.078	13.939.220.078
Something Big Pte. Ltd.	12.749.205.275	16.894.906.350
STV (*)	7.167.983.087	-
Công ty Cổ phần Ban Media	-	26.327.695.034
Khác	166.236.681.120	64.082.542.702
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	643.697.131	118.218.227.750
TỔNG CỘNG	351.157.857.253	239.558.303.914
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (Thuyết minh số 11)	(26.983.621.724)	(26.716.111.468)
GIÁ TRỊ THUẦN	324.174.235.529	212.842.192.446

(*) Khoản phải thu này, khoản phải thu về cho vay và phải thu khác được trình bày lần lượt ở Thuyết minh số 9 và 10 được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.716.111.468	24.375.838.749
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	11.695.982.158	6.205.500.978
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(83.785.322)	(3.865.228.259)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(11.344.686.580)	-
Số cuối năm (Thuyết minh số 11)	26.983.621.724	26.716.111.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	285.877.447.486	66.432.913.203
Công ty Cổ phần Tera Group	209.318.476.520	-
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế	48.126.704.193	48.126.704.193
Something Big SAS	8.160.450.000	8.160.450.000
Khác	20.271.816.773	10.145.759.010
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	67.500.000.000	14.524.750.000
TỔNG CỘNG	353.377.447.486	80.957.663.203
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 11)	(17.054.323.569)	(18.449.320.801)
GIÁ TRỊ THUẦN	336.323.123.917	62.508.342.402

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.449.320.801	16.246.796.596
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	22.426.521	2.202.524.205
Trừ: Thoái vốn công ty con	(1.417.423.753)	-
Số cuối năm (Thuyết minh số 11)	17.054.323.569	18.449.320.801

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	355.269.960.018	266.334.265.625
Cho các bên khác vay	355.269.960.018	197.330.431.925
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 35)	-	69.003.833.700
Dài hạn	10.990.000.000	44.329.575.396
Cho bên khác vay	10.990.000.000	39.429.575.396
Cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 35)	-	4.900.000.000
TỔNG CỘNG	366.259.960.018	310.663.841.021
Dự phòng phải thu về cho vay (Thuyết minh số 11)	(300.000.000)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	365.959.960.018	310.663.841.021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Ana	137.901.000.000	Ngày 22 tháng 10 năm 2025	8,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	114.106.821.919	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
STV	41.968.500.000	(*)	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	6.400.000.000	(*)	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	3.252.000.000	(*)	11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	3.000.000.000	(*)	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	1.950.000.000	(*)	7	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	1.575.000.000	(*)	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	900.000.000	(*)	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8	Tín chấp
Đình Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending (*)	5.683.138.099	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho các bên khác vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	633.000.000	Ngày 11 tháng 11 năm 2025	8	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Nhimdo properties LLC	2.777.500.000	Ngày 04 tháng 5 năm 2025	-	Tín chấp
Công ty TNHH Yeah1 Vision	1.360.000.000	Từ ngày 18 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 11 năm 2025	8 - 11	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Care (**)	930.000.000	Từ ngày 31 tháng 8 năm 2024 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Truyền thông Và Công nghệ Win YAG	300.000.000	Từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 27 tháng 12 năm 2024	8	Tín chấp
	160.000.000	Ngày 19 tháng 5 năm 2025	8	Tín chấp
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	115.000.000	Từ ngày 19 tháng 8 năm 2024 đến ngày 19 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	355.269.960.018			
Dự phòng phải thu cho vay (Thuyết minh số 11)	(300.000.000)			
GIÁ TRỊ THUẦN	354.969.960.018			

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đã thu hồi khoản cho vay này.

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Cho các bên khác vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	9.090.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	1.900.000.000	Ngày 4 tháng 1 năm 2026	10,5	Tín chấp
TỔNG CỘNG	10.990.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	113.140.517.320	340.356.202.385
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	45.763.157.895	48.078.801.570
Trong đó:		
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV (i)	26.163.157.895	-
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn (ii)	19.600.000.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Unicorn Venture	-	9.993.750.000
Travellet Tech Limited	-	8.120.000.000
Lỗi phân chia cho đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	4.380.844.035
Công ty TNHH Bryan and Martin Pictures	-	3.600.000.000
Công ty Cổ phần MBC Studio	-	1.253.462.535
Công ty Cổ phần Mnet	-	1.130.745.000
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi STVPro (iii)	34.965.502.008	19.750.861.017
Tạm ứng nhân viên	11.993.508.096	-
Phải thu cổ tức (iv)	8.311.968.425	230.004.766.104
Đặt cọc	7.213.801.925	7.213.579.158
Tạm ứng để nhận chuyển nhượng cổ phần	3.278.064.894	1.701.978.525
Khác	-	30.000.000.000
	1.614.514.077	3.606.216.011
Dài hạn	442.300.973.579	345.139.910.099
Đặt cọc chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất (v)	196.000.000.000	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TTK (vi)	138.658.000.000	138.658.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture (vii)	99.875.000.000	199.875.000.000
Đặt cọc	6.782.906.800	6.606.910.099
Khác	985.066.779	-
TỔNG CỘNG	555.441.490.899	685.496.112.484
Trong đó:		
Các bên khác	554.846.947.173	676.873.334.253
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	594.543.726	8.622.778.231
Dự phòng phải thu khác khó đòi (Thuyết minh số 11)	(26.677.385.044)	(36.645.581.283)
GIÁ TRỊ THUẦN	528.764.105.855	648.850.531.201

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

		VND
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	36.645.581.283	39.324.809.713
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	5.417.239.453	1.297.629.299
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.976.857.729)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(15.385.435.692)	-
Số cuối năm	<u>26.677.385.044</u>	<u>36.645.581.283</u>

(i) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam (“VTVcab”) và STV, VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này, khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay khác được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 8 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024.

(ii) Đây là hợp đồng hợp tác kinh doanh về đầu tư, xây dựng và kinh doanh dự án Hùng Vương Square tại số 100 Hùng Vương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh giữa Nhóm Công ty và chủ đầu tư là Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hương Hương). Tổng giá trị đầu tư dự án là 50.000.000.000 VND, trong đó, Nhóm Công ty đóng góp 35% tổng mức đầu tư, tương đương 17.500.000.000 VND và chủ đầu tư đồng ý góp 65% mức đầu tư còn lại, tương đương 32.500.000.000 VND.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty và Công ty TNHH Tân An Đông Sài Gòn thỏa thuận tiến hành thanh lý dự án và thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh. Thời hạn thực hiện thanh lý là trong vòng 6 tháng kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2018. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang tiến hành các thủ tục thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh này và thu hồi vốn đầu tư. Ban Tổng Giám đốc đã trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này, bao gồm khoản lãi dự thu với số tiền là 2.100.000.000 VND.

(iii) Theo Hợp đồng Ủy quyền số 539-2309-HĐNT-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 7 năm 2023 và Hợp đồng số 66-2402-HĐTH-YEG-STVPRO ngày 1 tháng 12 năm 2023 giữa Công ty và STVPro, Nhóm Công ty ủy quyền cho STVPro sản xuất và thực hiện các hoạt động truyền thông – thương mại cho các Dự án. Đây là khoản phải thu STVPro từ thu chi hộ cho các Dự án theo các Biên bản Bù trừ Công nợ.

(iv) Theo Nghị quyết phê duyệt bởi Giám đốc của Netlink Online Corporation, một công ty được thành lập ở Singapore, Nhóm Công ty được khoản chia cổ tức với giá trị phải thu còn lại là 7.213.801.925 VND; được thanh toán trong vòng 24 tháng kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2021 và được gia hạn đến ngày 1 tháng 11 năm 2025.

(v) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng tại địa chỉ số 140, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Ka Dao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (vi) Đây là khoản góp vốn theo Hợp đồng Hợp tác số 0906/2022/HĐHT/GG/BIGCAT ngày 3 tháng 6 năm 2022 với Công ty Cổ phần Giải Trí TKK (trước đây là Công ty Cổ phần Giải trí Truyền thông Big Cat) để đầu tư dự án sản xuất phim, bao gồm việc tổ chức đội ngũ sản xuất phim, ý tưởng, phim trường. Theo Phụ lục 3 ngày 27 tháng 12 năm 2024, tổng giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh giảm còn 100.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Giải Trí TKK sẽ hoàn trả cho Nhóm Công ty số tiền là 38.658.000.000 VND trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- (vii) Đây là khoản đặt cọc mua theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Nhóm Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Nhóm Công ty đã giải ngân. Theo phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	36.904.901.947	9.921.280.223	34.152.349.427	7.436.237.959	(26.716.111.468)
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	13.939.220.078	4.181.766.023	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)
Yeah1 Network Pte Ltd	5.080.920.081	582.905.201	-	-	-
Chuongsuki Pte Ltd	2.799.195.287	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	2.490.070.000	1.743.049.000	(747.021.000)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	213.501.288	-	6.731.991.724	-	(6.731.991.724)
Khác	11.269.109.090	3.911.573.999	9.878.181.502	1.511.422.936	(8.366.758.566)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	58.217.339.948	41.163.016.379	59.987.391.076	41.538.070.275	(18.449.320.801)
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế Something Big SAS	48.126.704.193	40.625.760.223	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Khác	8.160.450.000	-	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
	1.930.185.755	537.256.156	3.700.236.883	912.310.052	(2.787.926.831)
Phải thu cho vay ngắn hạn	300.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	300.000.000	-	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	33.496.231.104	6.818.846.060	38.047.671.390	1.402.090.107	(36.645.581.283)
Công ty TNHH Đầu tư Tân An	19.600.000.000	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Đông Sài Gòn	7.065.680.000	2.119.704.000	-	-	-
Netlink Online Corporation	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Công ty Cổ phần Phát Triển UP	5.830.551.104	4.699.142.060	17.447.671.390	1.402.090.107	(16.045.581.283)
Khác					
TỔNG CỘNG	128.918.472.999	57.903.142.662	132.187.411.893	50.376.398.341	(81.811.013.552)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chương trình đang sản xuất dở dang	25.583.778.714	20.000.953.739
Dự án quảng cáo đang sản xuất dở dang	12.335.199.650	8.024.666.307
Hàng hóa	738.835.241	35.698.707.333
Khác	2.147.038.809	-
TỔNG CỘNG	40.804.852.414	63.724.327.379
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(34.555.718.986)
GIÁ TRỊ THUẦN	40.804.852.414	29.168.608.393

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	34.555.718.986	59.956.019.873
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	108.525.811
Trừ: Thoái vốn công ty con	(34.555.718.986)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	-	(25.508.826.698)
Số cuối năm	-	34.555.718.986

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	15.054.268.237	50.416.954.766
Chương trình đang phát sóng	13.271.453.633	48.828.389.284
Khác	1.782.814.604	1.588.565.482
Dài hạn	42.009.118.834	1.484.504.008
Chi phí cải tạo văn phòng	17.815.326.090	411.547.424
Chương trình đang phát sóng	16.907.047.872	-
Công cụ, dụng cụ	1.879.210.538	669.341.309
Khác	5.407.534.334	403.615.275
TỔNG CỘNG	57.063.387.071	51.901.458.774

14. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV (Thuyết minh số 4.3), đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2026. Khoản phải thu này, khoản phải thu về cho vay được trình bày ở Thuyết minh số 9 được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 21/2025/TTBL/YEG ngày 26 tháng 3 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.723.883.210	9.394.605.283	2.536.668.774	783.648.543	14.438.805.810
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	7.773.466.860	280.254.546	1.184.832.374	9.238.553.780
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	3.821.563.973	-	-	-	3.821.563.973
Mua mới	-	208.390.908	-	1.971.944.159	2.180.335.067
Thoái vốn công ty con	(1.723.883.210)	(8.251.317.064)	(2.536.668.773)	(584.544.908)	(13.096.413.955)
Thanh lý	-	(485.000.000)	-	-	(485.000.000)
Số cuối năm	3.821.563.973	8.640.145.987	280.254.547	3.355.880.168	16.097.844.675
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	-	516.337.819	181.818.182	930.646.465	1.628.802.466
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(1.723.883.210)	(9.106.375.066)	(1.621.111.333)	(663.398.672)	(13.114.768.281)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	(2.641.787.618)	(181.818.182)	(936.632.437)	(3.760.238.237)
Khấu hao trong năm	-	(1.048.501.299)	(20.193.940)	(29.929.860)	(1.098.625.099)
Thoái vốn công ty con	1.723.883.210	8.206.218.696	1.641.305.273	464.295.036	12.035.702.215
Thanh lý	-	140.741.666	-	-	140.741.666
Số cuối năm	-	(4.449.703.621)	(181.818.182)	(1.165.665.933)	(5.797.187.736)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	-	288.230.217	915.557.441	120.249.871	1.324.037.529
Số cuối năm	3.821.563.973	4.190.442.366	98.436.365	2.190.214.235	10.300.656.939

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Nguyên giá	Chương trình phim ngắn (*)	Phần mềm máy tính	Nhãn hiệu, tên thương mại	VND Tổng cộng
Số đầu năm	82.828.580.077	16.164.958.910	3.185.964.630	102.179.503.617
Mua mới	94.019.269.979	6.405.667.000	220.000.000	100.644.936.979
Tăng do hợp nhất kinh doanh	39.890.687.831	12.321.658.675	-	52.212.346.506
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	-	2.185.274.492	-	2.185.274.492
Thoái vốn công ty con	-	(13.805.849.910)	-	(13.805.849.910)
Số cuối năm	216.738.537.887	23.271.709.167	3.405.964.630	243.416.211.684
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	68.888.888	41.867.000	-	110.755.888
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	(6.356.744.916)	(9.600.796.611)	(1.240.683.531)	(17.198.225.058)
Hao mòn trong năm	(28.311.854.210)	(6.076.559.696)	(190.448.872)	(34.578.862.778)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	(2.374.226.643)	(3.148.016.298)	-	(5.522.242.941)
Thoái vốn công ty con	-	12.127.304.099	-	12.127.304.099
Số cuối năm	(37.042.825.769)	(6.698.068.506)	(1.431.132.403)	(45.172.026.678)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	76.471.835.161	6.564.162.299	1.945.281.099	84.981.278.559
Số cuối năm	179.695.712.118	16.573.640.661	1.974.832.227	198.244.185.006

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	STV	Netlink	Edigital	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	38.216.838.797	-	-	38.216.838.797
Tăng trong năm (<i>Thuyết minh số 4.1 và 4.2</i>)	-	147.081.706.909	173.021.917.536	320.103.624.445
Thoái vốn công ty con	(38.216.838.797)	-	-	(38.216.838.797)
Số cuối năm	-	147.081.706.909	173.021.917.536	320.103.624.445
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(7.389.204.760)	-	-	(7.389.204.760)
Phân bổ trong năm	(906.695.118)	(11.031.128.018)	(7.209.246.565)	(19.147.069.701)
Thoái vốn công ty con	8.295.899.878	-	-	8.295.899.878
Số cuối năm	-	(11.031.128.018)	(7.209.246.565)	(18.240.374.583)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	30.827.634.037	-	-	30.827.634.037
Số cuối năm	-	136.050.578.891	165.812.670.971	301.863.249.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án xây dựng phim trường	48.093.872.054	3.821.563.973
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	9.545.454.545	9.545.454.545
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	5.523.422.222	-
TỔNG CỘNG	63.162.748.821	13.367.018.518

19. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 19.1)	103.807.419.542	348.572.994.312
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh 19.2)	19.715.625.000	46.002.910.277
TỔNG CỘNG	123.523.044.542	394.575.904.589
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(12.344.620.775)	(11.167.364.491)
GIÁ TRỊ THUẦN	111.178.423.767	383.408.540.098

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

19.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Meta Blossom	Quảng cáo	40,00	40,00	-	-
Edigital	Quảng cáo, sản xuất chương trình	-	-	39,50	39,50
Netlink	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	-	-	35,00	35,00
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con sở hữu 5 công ty liên kết gián tiếp như sau (ngày 31 tháng 12 năm 2023: các công ty con sở hữu 3 công ty liên kết gián tiếp):					
Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần 1Social ("1Social")	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	40,00	40,00	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1 ("Media 1")	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Eco Consumer (*)	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	49,99	50,00	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia ("Zmedia")	Dịch vụ quảng cáo	24,99	25,00	24,99	25,00
Công ty Cổ phần Sóng Toàn cầu ("Sóng Toàn cầu")	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	-	-	17,96	35,21

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại công ty này. (Thuyết minh số 36.2)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- 19. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)
- 19.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Giá trị đầu tư vào				Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết				Giá trị còn lại	
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
Media1	92.376.900.000	-	-	92.376.900.000	(3.023.130.120)	(1.434.434.265)	-	(4.457.564.385)	89.353.769.880	87.919.335.615
Zmedia	12.500.000.000	-	-	12.500.000.000	1.383.969.991	(485.886.064)	-	898.083.927	13.883.969.991	13.398.083.927
Sóng Toàn cầu	158.155.805	-	(158.155.805)	-	(33.664.722)	-	33.664.722	-	124.491.083	-
1Social	-	490.000.000	-	490.000.000	-	-	-	-	-	490.000.000
Meta Blossom	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-	-	-	-	-	2.000.000.000
Edigital	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(Thuyết minh số 4.2)	145.511.720.000	-	(145.511.720.000)	-	(2.649.926.936)	(12.558.698.973)	15.208.625.909	-	142.861.793.064	-
Netlink	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
(Thuyết minh số 4.1)	103.005.000.000	252.000.000	(103.257.000.000)	-	(656.029.706)	(744.526.942)	1.400.556.648	-	102.348.970.294	-
TỔNG CỘNG	353.551.775.805	2.742.000.000	(248.926.875.805)	107.366.900.000	(4.978.781.493)	(15.223.546.244)	16.642.847.279	(3.559.480.458)	348.572.994.312	103.807.419.542

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

19.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %	Giá trị đầu tư (VND)	Dự phòng (VND)	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần 1Game ("1Game") ("trước đây là Công ty Cổ phần Yeah1 Gaming")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(728.995.775)	18,00	8.100.000.000	(1.551.739.491)	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC ("ADSBNC")	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Spaceship ("Spaceship")	Lập trình máy vi tính	2.000.000.000	(2.000.000.000)	11,62	-	-	-
Công ty Cổ phần Gamify ("Gamify")	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness ("Shopiness")	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
Công ty Cổ phần Giải trí 100D ("100D")	Dịch vụ giải pháp số, phát hành trò chơi điện tử	-	-	-	21.253.734.206	-	30,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife ("Kolorlife")	Dịch vụ giải pháp số	-	-	-	6.083.551.071	-	35,00
Công ty Cổ phần Tera Group ("Tera Group")	Lập trình máy tính	-	-	-	950.000.000	-	19,00
TỔNG CỘNG		19.715.625.000	(12.344.620.775)		46.002.910.277	(11.167.364.491)	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

20.1 Phải trả người bán ngắn hạn

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	133.366.770.881	89.696.946.327
NMP Network Corporation	21.941.155.160	-
STVPro	18.477.650.451	-
JF Global, LLC	14.926.897.088	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam	-	36.237.031.394
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Number One	-	16.515.984.079
Khác	78.021.068.182	36.943.930.854
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	4.223.988.009	8.456.156.378
TỔNG CỘNG	137.590.758.890	98.153.102.705

20.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

		VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	13.959.803.176	4.401.307.337
Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit	702.765.202	1.246.622.223
Khác	13.257.037.974	3.154.685.114
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	-	24.754.058.544
TỔNG CỘNG	13.959.803.176	29.155.365.881

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Giảm trong năm	Giảm do thoái vốn công ty con	VND Số cuối năm
Phải nộp						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.427.238.053	12.081.916.503	(586.022.058)	(1.436.256.929)	(4.681.955.248)	19.804.920.321
Thuế thu nhập cá nhân	5.121.405.998	20.570.541.894	2.720.070.029	(19.160.264.692)	(1.871.997.964)	7.379.755.265
Thuế giá trị gia tăng	3.837.244.586	65.358.509.979	3.332.976.753	(64.237.027.385)	(2.363.813.568)	5.927.890.365
Thuế nhà thầu	3.067.560.803	2.641.050.423	325.672.438	(2.946.016.841)	(110.459.955)	2.977.806.868
Khác	5.876.732.290	7.035.199.611	574	(2.547.935.024)	(5.696.436.166)	4.667.561.285
TỔNG CỘNG	32.330.181.730	107.687.218.410	5.792.697.736	(90.327.500.871)	(14.724.662.901)	40.757.934.104
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	13.954.750.488	81.204.504.612	3.886.207.824	(79.406.285.608)	(9.619.213.724)	10.019.963.592
Khác	12.624.784	31.460.960	-	(181.670)	(12.624.784)	31.279.290
TỔNG CỘNG	13.967.375.272	81.235.965.572	3.886.207.824	(79.406.467.278)	(9.631.838.508)	10.051.242.882

(*) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty đang ghi nhận khoản thuế phải nộp quá hạn ở công ty con với số tiền là 15.075.022.780 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	56.995.241.817	10.379.620.700
Chi phí lãi vay	7.094.631.738	5.373.836.077
Chi phí lãi chậm nộp thuế	5.036.793.353	5.298.545.646
Lương tháng 13	2.649.221.200	2.030.064.776
Khác	6.400.321.460	4.366.607.998
TỔNG CỘNG	78.176.209.568	27.448.675.197
Trong đó:		
Các bên khác	77.709.459.768	25.392.634.459
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	466.749.800	2.056.040.738

23. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần (*)	90.170.020.000	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (**)	31.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí lãi vay	10.368.182.655	595.359.039
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	2.277.757.022	3.175.245.581
Khác	13.585.303.663	9.805.220.639
TỔNG CỘNG	147.901.263.340	45.075.825.259
Trong đó:		
Các bên khác	147.869.669.915	42.498.844.217
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	31.593.425	2.576.981.042

(*) Đây chủ yếu là khoản tiền Công ty nhận trước từ việc chuyển nhượng góp vốn Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 (Thuyết minh số 38).

(**) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án “Chị đẹp đập gió rẽ sóng mùa 1” (Thuyết minh số 10).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Phân loại lại	Giảm khác	Tăng khác	Số cuối năm
							VND
Ngắn hạn	171.352.690.912	618.796.412.843	(244.852.563.791)	24.878.475.998	(110.315.117.132)	67.504.197.615	527.364.096.445
Vay cá nhân (Thuyết minh số 24.2)	27.859.909.091	251.767.150.000	(16.098.000.000)	5.205.000.000	(29.419.000.000)	-	239.315.059.091
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	97.541.957.821	336.684.262.843	(210.453.739.791)	18.673.475.998	(68.046.117.132)	53.774.197.615	228.174.037.354
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 24.3)	34.400.824.000	26.155.000.000	(15.950.824.000)	-	(300.000.000)	10.530.000.000	54.835.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 24.4 và 35)	11.550.000.000	4.190.000.000	(2.350.000.000)	1.000.000.000	(12.550.000.000)	3.200.000.000	5.040.000.000
Dài hạn	39.014.432.856	15.798.305.886	(7.534.769.095)	(24.878.475.998)	(614.432.856)	28.221.000.000	50.006.060.793
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	37.500.000.000	12.048.305.886	(7.361.040.281)	(18.673.475.998)	-	21.000.000.000	44.513.789.607
Vay cá nhân (Thuyết minh số 24.3)	-	3.600.000.000	(23.728.814)	(5.205.000.000)	(100.000.000)	7.221.000.000	5.492.271.186
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 24.4 và 35)	1.514.432.856	-	-	(1.000.000.000)	(514.432.856)	-	-
Vay các tổ chức khác (Thuyết minh số 24.3)	-	150.000.000	(150.000.000)	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	210.367.123.768	634.594.718.729	(252.387.332.886)	-	(110.929.549.988)	95.725.197.615	577.370.157.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)
24.1 Vay ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	206.921.103.356	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	7,2 - 8,2	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố HCM	2.579.458.000	Từ ngày 10 tháng 1 năm 2025 đến ngày 27 tháng 3 năm 2025	9 – 9,2	Tín chấp

TỔNG CỘNG

209.500.561.356

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)
24.1 Vay ngân hàng (tiếp theo)

Nhóm Công ty có khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	35.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2025 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	- 11%/năm tính đến ngày 14 tháng 8 năm 2024 - Sau ngày 14 tháng 8 năm 2024 là lãi suất thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	19.250.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2025 đến ngày 5 tháng 7 năm 2027	- 8%/năm tính đến ngày 5 tháng 7 năm 2025 - Sau ngày 5 tháng 7 năm 2025 là lãi suất thả nổi theo lãi suất cơ bản cộng 3,5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 3	8.937.265.605	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027	8	
	63.187.265.605			

Trong đó	
Vay dài hạn	44.513.789.607
Vay dài hạn đến hạn trả	18.673.475.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> (VND)	<i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>	<i>Lãi suất</i> (%/năm)
<i>Vay cá nhân ngắn hạn</i>			
Vũ Thị Tuyết Vân	117.147.080.000	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2025 đến ngày 9 tháng 8 năm 2025	8
Võ Xuân Huy	55.590.000.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2025	8
Nguyễn Hải Tường Vi	54.743.070.000	Ngày 8 tháng 8 năm 2025	8
Nguyễn Thị Khánh Hòa	10.189.000.000	Từ ngày 4 tháng 1 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025	10,5 - 11
Trần Thanh Tân	1.117.909.091	Ngày 20 tháng 4 năm 2025	8
Trần Minh Việt	528.000.000	Ngày 6 tháng 4 năm 2025	6
TỔNG CỘNG	239.315.059.091		
<i>Vay cá nhân dài hạn</i>			
Nguyễn Thị Bích Vân	3.476.271.186	20 tháng 11 năm 2026	6,9
Nguyễn Thị Khánh Hòa	2.016.000.000	26 tháng 3 năm 2028	8
TỔNG CỘNG	5.492.271.186		

24.3 Vay ngắn hạn các tổ chức khác

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm</i> (VND)	<i>Kỳ hạn trả nợ gốc</i>	<i>Lãi suất</i> (%/năm)
Công ty TNHH Phân phối Nước giải khát Quốc tế C-Group Global INC	30.000.000.000	Theo yêu cầu	0
Công ty Cổ phần Vital Investments Group	12.625.000.000	Theo yêu cầu	0
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	10.530.000.000	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	8
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Giải pháp Đổi mới ICC VN	1.640.000.000	Ngày 24 tháng 9 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Ban Media	40.000.000	Ngày 18 tháng 12 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	54.835.000.000		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 35)

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả nợ gốc	Lãi suất (%/năm)
Vay ngắn hạn các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Finbase	3.200.000.000	Ngày 11 tháng 9 năm 2025	8
Nguyễn Thị Thu Hương	1.350.000.000	Ngày 9 tháng 8 năm 2025	12
1Social	490.000.000	Ngày 30 tháng 7 năm 2025	8
TỔNG CỘNG	5.040.000.000		

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	312.799.680.000	550.873.478.254	30.555.633.680	894.228.791.934
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	26.858.708.163	26.858.708.163
Số cuối năm	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097
Năm nay				
Số đầu năm	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	1.371.087.500.097
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	125.708.063.567	125.708.063.567
Phát hành cổ phiếu cho người lao động (*)	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh số 4.1)	-	-	(51.399.884.915)	(51.399.884.915)
Công ty con phát hành vốn cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	(2.585.985.719)	(2.585.985.719)
Số cuối năm	1.370.014.540.000	140.518.254	72.654.634.776	1.442.809.693.030

(*) Theo thông báo số 4227/UBCK-QLCB ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”) thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	1.313.532.640.000	312.799.680.000
Tăng trong năm	56.481.900.000	1.000.732.960.000
Số cuối năm	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000

25.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu phổ thông	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu đang lưu hành	137.001.454	131.353.264
Cổ phiếu phổ thông	137.001.454	131.353.264

Cổ phiếu của Nhóm Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND		
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước (Đã trình bày trước đây)
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	125.708.063.567	26.858.708.163	26.858.708.163
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	125.708.063.567	26.858.708.163	26.858.708.163
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	137.001.454	53.161.637	47.513.447
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND/cổ phiếu)	918	505	565

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm trước để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 1.000:722 trong năm 2023 và việc phát hành 5.648.190 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2024 (Thuyết minh số 25.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	12.211.638.962	12.551.387.798
Tăng do hợp nhất kinh doanh		
(Thuyết minh số 4.1 và 4.2)	51.905.704.458	-
Góp vốn điều lệ (Thuyết minh số 4.4)	980.000.000	-
Góp thêm vốn điều lệ vào công ty con hiện hữu	3.373.594.219	-
Mua thêm lợi ích từ cổ đông không kiểm soát		
(Thuyết minh số 4.1 và 25.1)	(1.574.115.085)	-
Giảm do thoái vốn công ty con	(6.694.243.743)	-
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(3.133.772.972)	(339.748.836)
Số cuối năm	57.068.805.839	12.211.638.962

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.026.485.549.969	414.366.625.633
Trong đó:		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	845.612.744.512	206.058.047.173
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	138.925.781.736	167.958.869.763
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	41.240.285.273	39.141.918.506
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	706.738.448	1.207.790.191
Các khoản giảm trừ doanh thu	(390.681.797)	(2.699.840.733)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(390.681.797)	(2.699.840.733)
DOANH THU THUẦN	1.026.094.868.172	411.666.784.900
Trong đó:		
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	845.222.062.715	203.358.206.440
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	138.925.781.736	167.958.869.763
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	41.240.285.273	39.141.918.506
Doanh thu thuần về bán lẻ và bán hàng khác	706.738.448	1.207.790.191
Trong đó:		
Các bên khác	973.263.650.812	265.086.845.191
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	53.221.899.157	149.279.780.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

		VND
	Năm nay	Năm trước
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 4.3</i>)	142.842.971.690	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	27.363.971.359	23.571.169.984
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 4.1 và 4.2</i>)	16.609.182.557	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.823.503.168	-
Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	-	19.987.500.000
Khác	266.878.139	27.731.696
TỔNG CỘNG	191.906.506.913	43.586.401.680

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

		VND
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	810.804.891.581	183.499.747.627
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	11.150.464.079	97.874.743.396
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	30.596.121.340	37.727.970.359
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	2.692.226.997	2.778.792.497
Hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho (<i>Thuyết minh số 12</i>)	-	(25.400.300.887)
TỔNG CỘNG	855.243.703.997	296.480.952.992

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

		VND
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	28.208.427.529	21.505.000.199
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh số 4.3</i>)	15.895.306.269	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.526.799.308	-
Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	1.177.256.284	1.551.739.491
Khác	300.534.570	425.675.889
TỔNG CỘNG	51.108.323.960	23.482.415.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	26.239.808.550	14.260.496.293
Chi phí nhân viên	21.930.835.084	9.335.604.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.189.927.826	4.280.314.061
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.668.346	3.480.174
Chi phí khác	2.115.377.294	641.097.361
Chi phí quản lý doanh nghiệp	151.633.232.794	66.900.478.155
Chi phí dự phòng và xóa sổ khoản phải thu	47.351.862.810	5.733.887.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.773.052.679	25.472.516.094
Chi phí nhân viên	31.787.331.726	26.841.890.320
Phân bổ lợi thế thương mại	19.147.069.701	3.626.780.475
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.386.189.863	922.517.364
Chi phí khác	10.187.726.015	4.302.886.326
TỔNG CỘNG	177.873.041.344	81.160.974.448

32. CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt thuế	5.443.539.336	3.169.913.731
Lãi chậm nộp thuế	1.358.078.932	5.298.545.646
Xóa sổ phần mềm quản lý phân phối DMS	-	13.020.000.000
Khác	2.201.921.972	661.469.712
TỔNG CỘNG	9.003.540.240	22.149.929.089

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	826.364.389.496	290.286.636.280
Chi phí nhân viên	81.424.528.767	84.543.090.051
Chi phí dự phòng và xóa sổ các khoản phải thu	47.351.862.810	5.840.426.222
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 15 và 16)	35.677.487.877	9.312.972.603
Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 17)	19.147.069.701	3.626.780.475
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh số 12)	-	(25.400.300.887)
Khác	23.151.406.690	9.432.322.696
TỔNG CỘNG	1.033.116.745.341	377.641.927.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN	10.602.747.399	365.033.626
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	1.479.169.104	(1.910.594.081)
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hiện hành	12.081.916.503	(1.545.560.455)
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(24.033.663.235)	3.950.719.062
TỔNG CỘNG	(11.951.746.732)	2.405.158.607

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.622.543.863	28.924.117.934
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	22.124.508.773	5.784.823.587
Các điều chỉnh:		
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	14.664.561.130	6.923.968.829
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.545.262.010	6.603.198.495
Lỗi trong công ty liên kết	-	970.791.011
Phân bổ lợi thế thương mại	3.829.413.940	725.356.095
Lãi thanh lý công ty con và công ty liên kết	(25.329.562.672)	-
Hoàn nhập chi phí thuế hoãn lại liên quan đến dự phòng đầu tư vào công ty con và lợi nhuận chưa thực hiện khi thoái vốn công ty con	(21.564.979.182)	-
Lỗi thuế từ năm trước chuyển sang	(3.356.766.315)	(12.232.448.122)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) trong những năm trước	1.479.169.104	(1.910.594.081)
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	(4.459.937.207)
Khác	(7.343.353.520)	-
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN	(11.951.746.732)	2.405.158.607

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

		VND		
Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(768.812.700)	(7.895.844.762)	7.127.032.062	(7.895.844.762)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(2.744.541.636)	-	(1.699.871.354)	-
TỔNG CỘNG	(3.513.354.336)	(7.895.844.762)	5.427.160.708	(7.895.844.762)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	29.460.823.943	(29.460.823.943)	11.846.563.824
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất		(24.033.663.235)	3.950.719.062	

34.4 Lỗi thuế chuyển sang từ năm trước

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗi thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 196.369.146.464 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 699.764.989.350 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

				VND
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Sử dụng	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
2020	2025	78.782.686.504	(8.159.881.325)	70.622.805.179
2021	2026	10.177.956.510	(9.872.010.996)	305.945.514
2022	2027	25.209.558.286	-	25.209.558.286
2023	2028	39.474.860.054	(160.646.369)	39.314.213.685
2024	2029	60.916.623.800	-	60.916.623.800
TỔNG CỘNG (*)		214.561.685.154	(18.192.538.690)	196.369.146.464

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan khác của Nhóm Công ty có phát sinh nghiệp vụ với Nhóm Công ty trong năm:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Meta Blossom	Công ty liên kết
Edigital	Công ty liên kết (đến ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Netlink	Công ty liên kết (đến ngày 19 tháng 4 năm 2024)
1Social	Công ty liên kết
Spaceship	Công ty liên kết của công ty con
Media1	Công ty liên kết
Zmedia	Công ty liên kết
Sóng Toàn cầu	Công ty liên kết của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
1Game	Đầu tư khác
ADSBNC	Đầu tư khác
Gamify	Đầu tư khác
Shopiness	Đầu tư khác
100D	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Kolorlife	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Tera Group	Đầu tư khác (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Thành viên chủ chốt có liên quan đến công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh ("Bò Công Anh")	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự chủ chốt
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	143.046.276.204	14.500.000.000
	Thu hồi tiền tạm ứng	20.000.000.000	-
	Mua dịch vụ	18.554.917.440	-
Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	37.173.181.293	16.455.611.758
	Vay	15.580.000.000	15.550.000.000
	Mua dịch vụ	1.926.050.213	4.513.238.687
	Cho vay	1.800.000.000	17.600.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.725.000.000	15.848.211.060
	Lãi vay	703.954.262	108.966.573
	Lãi cho vay	257.014.108	555.237.062
	Mua bản quyền	-	48.556.395.000
Big Cat	Mua bản quyền	6.480.502.248	11.665.638.876
	Cung cấp bản quyền nội dung số	4.789.976.697	2.632.388.861
	Cung cấp dịch vụ	2.739.973.872	755.674.247
	Cho vay	320.000.000	2.800.000.000
	Lãi cho vay	819.863	1.610.959
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.280.000.000	10.300.000.000
	Góp vốn	-	35.000.000.000
	Tạm ứng	-	10.679.535.966
1Game	Cho vay	2.015.000.000	1.450.000.000
	Lãi cho vay	265.340.462	38.901.230
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
VMA	Vay	2.100.000.000	200.000.000
	Cung cấp dịch vụ	601.851.852	-
	Mua dịch vụ	147.975.000	-
	Chi phí lãi vay	61.204.930	172.603
	Lãi cho vay	3.509.590	-
Meta Blossom	Cung cấp dịch vụ	3.440.000.000	-
	Góp vốn	2.000.000.000	-
	Vay	1.800.000.000	-
	Lãi vay	1.553.425	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	102.493.148	-
DCC	Vay	1.300.000.000	342.808.874
	Lãi cho vay	26.947.526	1.192.452.719
	Cung cấp dịch vụ	21.046.577	5.869.523.810
	Lãi vay	12.446.724	13.705.730
	Cho vay	-	1.250.000.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	712.173.710	358.612.451
	Góp vốn	-	42.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Netlink	Góp vốn	252.000.000	-
	Lãi vay	115.010.959	251.967.124
	Mua dịch vụ	11.505.000	-
	Vay	-	13.500.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	6.668.231.073
	Cho vay	-	2.328.800.000
	Lãi cho vay	-	46.603.398
1Social	Góp vốn	490.000.000	-
	Vay	490.000.000	-
	Mua dịch vụ	40.000.000	-
	Lãi vay	17.505.754	-
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	486.595.768	155.470.022
Tingting	Vay	400.000.000	600.000.000
	Lãi vay	32.046.577	7.364.383
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	373.356.551	37.000.000
	Thu tiền tạm ứng	240.000.000	-
	Góp vốn	-	37.000.000.000
Tstudio	Cung cấp dịch vụ	344.345.056	1.135.202.342
Y1P	Lãi vay	19.890.410	59.999.998
Ông Phạm Minh Tiến	Tạm ứng	1.700.000	-
Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	90.427.097.143
	Cho vay	17.560.000.000	36.750.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.216.523.810	5.618.632.220
	Mua dịch vụ	-	5.601.851.852
	Lãi cho vay	426.722.878	1.469.830.275
	Góp vốn	-	950.000.000
Công ty TNHH Phúc hợp Truyền thông T.H	Cho vay	-	23.129.873.700
	Cung cấp dịch vụ	-	2.404.207.928
	Lãi cho vay	-	680.481.034
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	14.859.000.000
	Lãi cho vay	-	651.555.494
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	675.000.000	7.010.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	1.465.000.000
	Lãi cho vay	304.351.217	368.958.024
	Chi hộ	-	53.378.600
Media1	Lãi vay	-	160.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Media1	Cung cấp dịch vụ	643.697.131	643.697.131
Tera Group	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	87.902.530.164
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Cung cấp dịch vụ	-	11.770.573.444
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cung cấp dịch vụ	-	8.080.206.311
100D	Cung cấp dịch vụ	-	6.731.991.724
Netlink	Cung cấp dịch vụ	-	1.154.383.491
DCC	Cung cấp dịch vụ	-	999.999.958
Edigital	Cung cấp dịch vụ	-	547.505.377
Tstudio	Cung cấp dịch vụ	-	387.340.150
		643.697.131	118.218.227.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	67.500.000.000	14.500.000.000
Edigital	Mua dịch vụ	-	24.750.000
		67.500.000.000	14.524.750.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn			
Tera Group	Cho vay	-	35.736.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Cho vay	-	14.859.000.000
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Cho vay	-	14.122.833.700
Công ty Cổ phần Finbase	Cho vay	-	4.286.000.000
		-	69.003.833.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Ông Lê Phương Thảo	Tạm ứng	343.969.957	-	
Zmedia	Lãi cho vay	147.899.158	147.899.158	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	96.152.335	-	
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	6.522.276	6.522.276	
Ông Đào Phúc Trí	Tạm ứng	-	5.327.908.126	
Tera Group	Lãi cho vay	-	1.384.252.111	
Công ty Cổ phần Phúc hợp Truyền thông T.H	Lãi cho vay	-	554.536.312	
Công ty Cổ phần Truyền thông Power	Lãi cho vay	-	531.123.083	
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi cho vay	-	368.958.024	
	Chi hộ	-	53.378.600	
Edigital	Lãi cho vay	-	213.178.763	
1Game	Lãi cho vay	-	33.410.819	
BigCat	Lãi cho vay	-	1.610.959	
		594.543.726	8.622.778.231	
Phải thu về cho vay dài hạn				
Edigital	Cho vay	-	3.450.000.000	
1Game	Cho vay	-	1.450.000.000	
		-	4.900.000.000	
Phải trả người bán ngắn hạn				
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	4.223.988.009	-	
Media1	Mua dịch vụ	-	5.849.789.534	
BigCat	Mua dịch vụ	-	2.270.759.876	
Netlink	Mua dịch vụ	-	222.411.825	
DCC	Mua dịch vụ	-	84.450.744	
Edigital	Mua dịch vụ	-	28.744.399	
		4.223.988.009	8.456.156.378	
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	21.310.867.823	
	Cung cấp dịch vụ	-	137.093.401	
BigCat	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	3.306.097.320	
		-	24.754.058.544	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

		VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Bồ Công Anh	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	466.749.800	-
BigCat	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	1.173.700.000
Media1	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	270.000.000
	Lãi vay	-	240.657.534
Netlink	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	119.894.318
Edigital	Lãi vay	-	191.788.886
Y1P	Lãi vay	-	60.000.000
		466.749.800	2.056.040.738
Phải trả ngắn hạn khác			
1Social	Lãi vay	17.505.754	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	14.087.671	-
Media1	Phải trả hợp tác kinh doanh	-	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư Việt Nam Giải Trí	Lãi vay	-	207.573.065
Y1P	Lãi vay	-	183.945.200
Netlink	Lãi vay	-	148.150.685
Edigital	Lãi vay	-	16.241.979
DCC	Lãi vay	-	13.705.730
Tingting	Lãi vay	-	7.364.383
		31.593.425	2.576.981.042
Vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Finbase	Vay	3.200.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.350.000.000	-
1Social	Vay	490.000.000	-
Edigital	Vay	-	5.950.000.000
Netlink	Vay	-	5.300.000.000
Tingting	Vay	-	300.000.000
VMA	Vay	-	200.000.000
		5.040.000.000	11.750.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Sổ dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

			VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Vay dài hạn</i>			
Y1P	Vay	-	1.000.000.000
DCC	Vay	-	342.808.874
Edigital	Vay	-	171.623.982
		-	1.514.432.856

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>
			<i>Năm trước</i>
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	2.550.000.000	2.250.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)	1.401.871.800	1.063.307.700
Ông Đào Phúc Trí	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT	-	2.549.007.000
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	502.449.000
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám đốc	-	123.981.550
Ông Lê Minh Nhật Tín	Phó Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2023)	-	-
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 5 tháng 6 năm 2023)		
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng BKS	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS	-	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (từ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)	-	-
TỔNG CỘNG		3.951.871.800	6.488.745.250

Ngoại trừ danh sách được liệt kê ở trên, các thành viên còn lại trong HĐQT và BKS không phát sinh thu nhập và thù lao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC CAM KẾT

36.1 Cam kết thuê hoạt động

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	22.762.167.500	24.261.360.000
Trên 1 năm đến 5 năm	92.990.060.000	94.132.300.000
Trên 5 năm	64.650.474.000	67.729.068.000
TỔNG CỘNG	180.402.701.500	186.122.728.000

36.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

	VND		
	Số cuối năm và số đầu năm		
	Vốn cam kết	Vốn đã góp	Vốn còn phải góp
CDS	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
YSS	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
Công ty Cổ phần Eco Consumer	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Gigawin	1.062.000.000	-	1.062.000.000
Gigagoods	918.000.000	-	918.000.000
Web Publishing Corp.	127.088.670	-	127.088.670
TỔNG CỘNG	24.437.148.670	22.000.000	24.415.148.670

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Cung dịch vụ và thương mại truyền thông	Loại trừ	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	887.169.086.436	138.925.781.736	-	1.026.094.868.172
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	289.757.060.288	23.665.923.505	(313.422.983.793)	-
Tổng doanh thu thuần	1.176.926.146.724	162.591.705.241	(313.422.983.793)	1.026.094.868.172
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận				170.851.164.175
Chi phí không phân bổ				(177.873.041.344)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(15.223.546.244)
Doanh thu tài chính				191.906.506.913
Chi phí tài chính				(51.108.323.960)
Lợi nhuận khác				(7.930.215.677)
Lợi nhuận trước thuế				110.622.543.863
Chi phí thuế TNDN				(12.081.916.503)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				24.033.663.235
Lợi nhuận sau thuế				122.574.290.595
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát				3.133.772.972
Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ				125.708.063.567
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	2.322.273.422.451	284.446.056.384	(377.484.376.185)	2.229.235.102.650
Tài sản không phân bổ				283.634.497.945
Tổng tài sản				2.512.869.600.595
Công nợ bộ phận				
Công nợ không phân bổ	1.341.071.970.813	46.527.474.775	(432.601.253.376)	954.998.192.212
Tổng công nợ				1.012.991.101.726

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau (tiếp theo):

	Quảng cáo trên kênh truyền hình	Cung dịch vụ và thương mại truyền thông	Loại trừ	VND Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	179.142.355.360	232.524.429.540	-	411.666.784.900
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	-	99.255.262.853	(99.255.262.853)	-
Tổng doanh thu thuần	179.142.355.360	331.779.692.393	(99.255.262.853)	411.666.784.900
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận				115.185.831.908
Chi phí không phân bổ				(81.160.974.448)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(4.853.955.053)
Doanh thu tài chính				43.586.401.680
Chi phí tài chính				(23.482.415.579)
Lợi nhuận khác				(20.350.770.574)
Lợi nhuận trước thuế				28.924.117.934
Chi phí thuế TNDN				1.545.560.455
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(3.950.719.062)
Lợi nhuận sau thuế				26.518.959.327
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Tài sản và công nợ				1.505.779.601.070
Tài sản bộ phận			(368.751.341.730)	354.618.441.299
Tài sản không phân bổ				1.860.398.042.369
Tổng tài sản				
Công nợ bộ phận				410.200.092.810
Công nợ không phân bổ			(453.439.134.593)	66.898.810.500
Tổng công nợ				477.098.903.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo số 199/UBCK-QLCB về việc đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 58/2503/CV/YEG ngày 11 tháng 3 năm 2025. Theo đó, Công ty đã hoàn thành việc phân phối 54.800.581 cổ phiếu theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 70/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 13 tháng 3 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2025, Netlink BVI hoàn tất góp vốn thành lập Web Publishing Corp.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 35.999.600 cổ phần, tương ứng với 99,999% cổ phần của Giga1 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025.

Ngoài các sự kiện trên, các sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 9 và 10, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lưu Anh Khoa
Người lập


Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng


Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

